

Số: 70/2026/QĐ-CTUBND

Huế, ngày 21 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phân cấp việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 178/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về phân cấp việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định phân cấp việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn thành phố Huế, gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hạ tầng thương mại, hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng công nghiệp công nghệ số (bao gồm cả khu công nghệ số tập trung); tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch; tài sản kết cấu hạ tầng đô thị; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; tài sản kết cấu hạ tầng đô điều; tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu tránh trú bão và tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực hạ tầng tương ứng với tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý chuyên ngành quy định, công bố, điều chỉnh danh mục chi tiết kèm theo đơn vị tính và các thông số cơ bản của từng loại tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành theo hướng dẫn của Bộ chủ quản.

3. Quyết định này không điều chỉnh đối với các loại tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

4. Ngoài các nội dung phân cấp thẩm quyền tại quyết định này, các nội dung khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do

Nhà nước đầu tư, quản lý được thực hiện theo quy định của Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

5. Các loại tài sản kết cấu hạ tầng đã được Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền quản lý, sử dụng và khai thác tại các văn bản pháp luật chuyên ngành thì áp dụng thẩm quyền đã quy định cụ thể tại văn bản pháp luật đó, không áp dụng thẩm quyền quy định tại quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về hạ tầng gồm:

a) Sở Xây dựng: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng đô thị và tài sản kết cấu hạ tầng khác thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; tài sản kết cấu hạ tầng đê điều; tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu tránh trú bão và tài sản kết cấu hạ tầng khác thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Sở Công Thương: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; tài sản kết cấu hạ tầng thương mại và tài sản kết cấu hạ tầng khác thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

d) Sở Văn hóa và Thể thao: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch và tài sản kết cấu hạ tầng khác thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao; tài sản kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng công nghiệp công nghệ số (bao gồm cả khu công nghệ số tập trung) và tài sản kết cấu hạ tầng khác thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

e) Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp thành phố Huế: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng tại khu kinh tế, công nghiệp được cấp có thẩm quyền thành lập trên địa bàn thành phố.

g) Sở Tài chính: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định pháp luật chưa được phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị nêu trên (nếu có).

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng cấp xã thực hiện chức năng tham

mu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về hạ tầng: Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường).

3. Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thuộc thành phố quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng (sau đây gọi là đơn vị quản lý tài sản), gồm đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp xã.

d) Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản).

đ) Đối tượng khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành về hạ tầng (nếu có).

4. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng tiếp nhận từ cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc các bộ ngành trung ương, các địa phương khác; Tài sản kết cấu hạ tầng hình thành từ các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do các Ban Quản lý dự án thuộc Ủy ban nhân dân thành phố làm chủ đầu tư (trừ tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án đã xác định đối tượng thụ hưởng).

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành nêu tại khoản 1 Điều 2 quyết định này quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý cho các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý; quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của địa phương cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

4. Việc phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này; không áp dụng đối với:

a) Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án đã xác định đối tượng thụ hưởng.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng được sử dụng theo nhiều công năng (vừa sử dụng làm hạ tầng này vừa sử dụng vào mục đích làm hạ tầng khác, tài sản khác) thuộc phạm vi quản lý của thành phố đã được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt giá khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo phương thức cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác đối

với các dịch vụ không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 12 Điều 17 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành nêu tại khoản 1 Điều 2 quyết định này quyết định phê duyệt giá khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt giá khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của địa phương cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của thành phố được sử dụng theo nhiều công năng (vừa sử dụng làm hạ tầng này vừa sử dụng vào mục đích làm hạ tầng khác, tài sản khác) hoặc sử dụng một phần tài sản kết cấu hạ tầng kết hợp với tài sản khác nhằm nâng cao hiệu quả khai thác của các tài sản được kết hợp với nhau (sau đây gọi là khai thác hỗn hợp).

Cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công năng chính của tài sản kết cấu hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 quyết định này.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 quyết định này quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý lập.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương lập.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của thành phố được sử dụng theo nhiều công năng (vừa sử dụng làm hạ tầng này vừa sử dụng vào mục đích làm hạ tầng khác, tài sản khác) hoặc khai thác hỗn hợp.

Cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công năng chính của tài sản kết cấu hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 quyết định này.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 quyết định này quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý lập.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương lập.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của thành phố được sử dụng theo nhiều công năng (vừa sử dụng làm hạ tầng này vừa sử dụng vào mục đích làm hạ tầng khác, tài sản khác) hoặc khai thác hỗn hợp.

Cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về công năng chính của tài sản kết cấu hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 quyết định này.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 quyết định này quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý lập.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương lập.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cho cơ quan, đơn vị ngoài phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương; quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cho cơ quan, đơn vị ngoài phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán đối với tài sản kết cấu hạ

tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành nêu tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thành phố và Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu kê khai, hồ sơ pháp lý và hồ sơ khác phục vụ việc giao tài sản, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (phê duyệt Đề án khai thác, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản), xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, phê duyệt theo quy định.

2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thành phố, các phường xã rà soát, phân loại, lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý để phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao, báo cáo và xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Thanh tra thành phố, các cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và pháp luật có liên quan; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.

4. Các cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 7 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng cơ quan tài chính, cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đảng ủy, HĐND cấp xã;
- HĐND, TT. HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VP: Các PCVP và CV;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, DN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Văn Tuấn